

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA BÈ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.**

**Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Láng.**

**Bà Hoàng Thị Thào.**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia  
phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.**

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè,  
tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ  
ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly  
hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX-ST ngày 27  
tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 15  
tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Anh **Nông Phan N**, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

\* Bị đơn: Chị **Trương Thị N1**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét  
xử vắng mặt nguyên đơn anh Nông Phan N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xây dựng gia đình với chị Trương Thị N1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B ngày 06/9/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh năm 2010, nguyên nhân là do cuộc sống kinh tế túng thiếu, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, chửi mắng nhau. Hai vợ chồng tôi đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng cũng không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi xin được ly hôn với chị Trương Thị N1.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có 01 con chung là Nông Thị Mai T sinh ngày 08/9/2006, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với chị Trương Thị N1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thể hiện:* Anh N và chị N1 kết hôn năm 2006, sau khi kết hôn anh N và chị N1 về sinh sống tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đến năm 2010, do mâu thuẫn vợ chồng và chị N1 đi làm ăn, không trở về nơi cư trú là thôn N, xã Đ, huyện B mà chị N1 về nhà bố đẻ là ông Trương Văn H ở thôn B, xã Đ, huyện B. Tuy nhiên, khi Tòa án đến làm việc, giao các văn bản tố tụng cho chị N1 thì chị N1 đều không có nhà. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của chị N1 và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chị N1 cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nông Phan N .

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Phan N được ly hôn chị Trương Thị N1.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nông Thị Mai T sinh ngày 08/9/2006 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Trương Thị N1 được phép đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Anh Nông Phan N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nông Phan N và chị Trương Thị N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2006. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía anh N trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị N1 không có bản tự khai, Tòa án cũng không lấy được lời khai của chị N1. Tòa án đã xác minh hiện nay chị Trương Thị N1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, không có tạm trú ở nơi khác. Tuy nhiên, chị N1 đi làm và vẫn về bên nhà bố đẻ ở thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn nhưng khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng cho chị N1 đều không có nhà, không có ai nhận thay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật ở cả hai nơi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của anh N và chị N1, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh N, chị N1 và gia đình của anh N, chị N1 thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị N1 về sinh sống ở thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì do mâu

thuần cãi vã, chửi mắng nhau, chị N1 bỏ về nhà bố đẻ ở thôn Bản Váng, xã Đ, huyện B sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm đến nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N1 đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N và chị N1 cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N1 không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện chị N1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh N. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Phan N là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Hai vợ chồng anh N và chị N1 có 01 con chung là Nông Thị Mai T sinh ngày 08/9/2006, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với anh N. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào các điều kiện để đảm bảo tất cả quyền lợi của con chung, con chung phải được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Cháu Nông Thị Mai T tại biên bản lấy lời khai cháu T trình bày nguyện vọng của cháu khi bố mẹ ly hôn là được sống với bố Nông Phan Nguyên. Hiện nay anh N đi làm công nhân thu nhập mỗi tháng thu nhập khoảng 14.000.000 đồng (có cung cấp bảng lương cho Tòa án). Về phía chị N1 quá trình giải quyết vụ án không cung cấp cho Tòa án được các chứng cứ, tài liệu, thông tin gì để chứng minh về điều kiện kinh tế của mình cũng như yêu cầu của chị N1. Trên cơ sở nguyện vọng của con chung và điều kiện nuôi con của các bên đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng giao con chung cho anh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo tốt hơn khi giao cho chị N1. Vì lẽ đó cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nông Phan N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Anh Nông Phan N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Anh Nông Phan N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của anh Nông Phan Nguyên . Anh Nông Phan N được ly hôn chị Trương Thị N1.

**2. Về con chung**: Giao 01 con chung là Nông Thị Mai T sinh ngày sinh ngày 08/9/2006 (con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường) cho anh Nông Phan N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trương Thị N1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, vay nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí**: Anh Nông Phan N phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001203 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo**: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Địa Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Anh Tuấn**